



MHDVIETNAM

You trust us, you are perfect

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty Cổ phần Công nghệ cao

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 7

phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7-8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9-21

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ cao (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Văn Ấn
Ông Nguyễn Ngọc Linh
Ông Đỗ Văn Vũ

Chức danh
Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Linh

Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài



Nguyễn Ngọc Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ cao**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ cao (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024, từ trang 4 đến trang 21, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê thực tế hàng tồn kho vào thời điểm đầu năm và cuối năm tài chính. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với số lượng hàng tồn kho tại ngày 31/12/2022 và 31/12/2023. Các thủ tục kiểm toán thay thế không giúp chúng tôi thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu của hàng tồn kho tại thời điểm đầu năm và cuối năm. Do đó chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh các chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính và các chỉ tiêu khác có liên quan hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ cao tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trịnh Đức Minh

Giám đốc

Số giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán:
1433-2023-198-1

Nguyễn Thế Thuận

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán:
4056-2022-198-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ
MHD**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B 01 - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		46.259.183.831	52.746.530.555
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV.1	1.093.537.951	421.658.020
▪ Tiền	111		1.093.537.951	421.658.020
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.720.620.886	18.499.912.533
▪ Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	IV.2	14.182.216.540	15.561.147.807
▪ Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	IV.3	4.373.260.709	4.556.426.022
▪ Phải thu ngắn hạn khác	136	IV.4	2.976.892.096	1.194.087.163
▪ Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.811.748.459)	(2.811.748.459)
III. Hàng tồn kho	140	IV.5	26.436.724.994	33.816.660.002
▪ Hàng tồn kho	141		26.692.777.015	34.072.712.023
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(256.052.021)	(256.052.021)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.300.000	8.300.000
▪ Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.800.000	6.800.000
▪ Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	IV.9	1.500.000	1.500.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.362.006.061	6.634.053.029
I. Tài sản cố định	220		5.343.786.061	6.615.833.029
▪ Tài sản cố định hữu hình	221	IV.6	5.343.786.061	6.615.833.029
- Nguyên giá	222		13.596.484.513	13.596.484.513
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.252.698.452)	(6.980.651.484)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		18.220.000	18.220.000
▪ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		18.220.000	18.220.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		51.621.189.892	59.380.583.584

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B 01 - DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		42.191.227.130	46.455.272.194
I. Nợ ngắn hạn	310		33.407.333.575	40.584.775.439
▪ Phải trả người bán ngắn hạn	311	IV.7	13.659.373.143	19.193.616.660
▪ Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	IV.8	16.561.334.390	20.466.069.919
▪ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	IV.9	690.769.528	298.765.309
▪ Phải trả người lao động	314		133.240.365	107.565.644
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	315		441.834.682	16.500
▪ Phải trả ngắn hạn khác	319	IV.10	50.768.537	118.728.477
▪ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	IV.11	1.870.000.000	400.000.000
▪ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.930	12.930
II. Nợ dài hạn	330		8.783.893.555	5.870.496.755
▪ Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	IV.11	8.783.893.555	5.870.496.755
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		9.429.962.762	12.925.311.390
I. Vốn chủ sở hữu	410	IV.12	9.429.962.762	12.925.311.390
▪ Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.500.000.000	11.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.500.000.000	11.500.000.000
▪ Thặng dư vốn cổ phần	412		2.500.052.000	2.500.052.000
▪ Quỹ đầu tư phát triển	418		1.022.779.348	1.022.779.348
▪ Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.387.040.870	1.387.040.870
▪ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(6.979.909.456)	(3.484.560.828)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối / (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.696.662.520)	1.184.110.480
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối / (Lỗ) năm nay	421b		(3.283.246.936)	(4.668.671.308)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		51.621.189.892	59.380.583.584

Nguyễn Thị Hồng Nhung
Người lập biểu

Huỳnh Thị Xinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

Công ty Cổ phần Công nghệ cao
 Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 7,
 phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính
 kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

MẪU SỐ B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
▪ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.1	31.429.925.984	29.802.147.526
▪ Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
▪ Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		31.429.925.984	29.802.147.526
▪ Giá vốn hàng bán	11	V.2	30.090.253.665	19.842.583.233
▪ Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.339.672.319	9.959.564.293
▪ Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.3	1.675.100	2.021.347
▪ Chi phí tài chính	22	V.4	2.170.683.741	1.218.477.248
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.170.683.741	1.218.477.248
▪ Chi phí bán hàng	25	V.5	660.062.763	699.529.556
▪ Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.6	1.759.295.582	1.865.446.130
▪ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(3.248.694.667)	6.178.132.706
▪ Thu nhập khác	31	V.7	1.619.200	8.518.997.017
▪ Chi phí khác	32	V.8	36.171.469	19.365.801.031
▪ Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(34.552.269)	(10.846.804.014)
▪ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(3.283.246.936)	(4.668.671.308)
▪ Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.9	-	-
▪ Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
▪ Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(3.283.246.936)	(4.668.671.308)

Nguyễn Thị Hồng Nhung
 Người lập biểu

Huỳnh Thị Xinh
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Ngọc Linh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 28 tháng 03 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03 - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
▪ Lợi nhuận trước thuế	01		(3.283.246.936)	(4.668.671.308)
▪ Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	IV.6	1.272.046.968	2.149.869.239
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.675.100)	10.830.181.254
- Chi phí lãi vay	06	V.4	2.170.683.741	1.218.477.248
▪ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		157.808.673	9.529.856.433
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		1.663.709.096	1.502.420.922
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		7.379.935.008	(10.693.660.712)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế TNDN phải nộp)	11		(9.237.423.784)	382.580.877
- Tiền lãi vay đã trả	14		(351.722.470)	(1.218.477.248)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(55.954.794)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(387.693.477)	(553.234.522)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(197.010.000)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	8.518.518.517
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.675.100	2.021.347
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.675.100	8.323.529.864

Công ty Cổ phần Công nghệ cao
Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 7,
phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03 - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.440.000.000	5.590.000.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.170.000.000)	(13.242.871.775)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(212.101.692)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.057.898.308	(7.652.871.775)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		671.879.931	117.423.567
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		421.658.020	304.234.453
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	IV.1	1.093.537.951	421.658.020


Nguyễn Thị Hồng Nhung
Người lập biểu


Huỳnh Thị Xinh
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

Công ty Cổ phần Công nghệ cao

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 7,
phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ cao là Công ty Cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600655839 ngày 22 tháng 10 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhiều lần, trong lần thay đổi gần nhất, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 11 tháng 03 năm 2019.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 15 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 17 người).

Vốn điều lệ: 11.500.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, dịch vụ, xây dựng

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Đúc sắt, thép:
Chi tiết: Chế tạo các loại khuôn kéo kim loại, khuôn bọc dây điện và các loại khuôn mẫu khác. (không chế tạo tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
- Sản xuất các cấu kiện kim loại:
Chi tiết: Chế tạo và lắp đặt kết cấu thép, nhà xưởng, lắp ráp gian hàng hội chợ, triển lãm. (không chế tạo tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất máy chuyên dụng khác:
Chi tiết: Chế tạo các loại trạm trộn bê tông tự động, máy phục vụ ngư nghiệp. (không chế tạo tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng nhà các loại: Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác:
Chi tiết: Xuất nhập khẩu máy và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng:
Chi tiết: Thiết kế các loại trạm trộn bê tông tự động, máy phân loại cà phê bằng màu và ánh sáng và các loại máy phục vụ công, nông, lâm, ngư nghiệp. Thiết kế các loại khuôn kéo kim loại, khuôn bọc dây điện và các loại khuôn mẫu khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu

Công ty Cổ phần Công nghệ cao

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 7,
phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

- Chi tiết: Chuyển giao công nghệ mới các loại trạm trộn bê tông tự động, máy phân loại cà phê bằng màu và ánh sáng và các loại máy phục vụ công, nông, lâm, ngư nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

4. **Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:** Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Các số liệu trình bày trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. **Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2. **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính này được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, việc sử dụng bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam; hơn nữa các báo cáo này không có ý định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc, thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. **Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

Công ty Cổ phần Công nghệ cao

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 7,
phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

5. Giả định hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính này được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền, không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho và phương pháp tính giá trị hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời,...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty Cổ phần Công nghệ cao

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 7,
phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

5. Thuê tài sản

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu hợp đồng thuê tài sản quy định bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản thuê theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài chính, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

6. Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc, thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Công ty Cổ phần Công nghệ cao

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 7,
phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa đã được mua và dịch vụ đã được sử dụng mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ đầu tư.

10. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cụ thể như sau:

- Khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Riêng đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

11. Ghi nhận doanh thu

Đối với doanh thu bán hàng

Công ty Cổ phần Công nghệ cao

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 7,
phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu đã được xác định một cách tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Công ty đã xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, nếu có, được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành là số thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính hiện hành và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Các bên liên quan

Các bên được coi là có liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Công ty Cổ phần Công nghệ cao

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 7,
phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	218.984	874.128
Tiền gửi ngân hàng	1.093.318.967	420.783.892
Tổng cộng	1.093.537.951	421.658.020

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ Phần Bê Tông , Xây Dựng A&P	428.922.938	428.922.938
Công ty TTNHH Xây Dựng Và TM Anh Khoa	120.000.000	120.000.000
Công ty TNHH Bê tông An Hội	785.908.282	-
Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Công Nghệ Cao	440.699.530	440.699.530
Công ty TNHH MTV Cơ Đồ	222.920.000	222.920.000
Công ty TNHH TM DV XD Hạ Tầng Giao Thông Cường Thịnh	-	-
Công ty CP Đông Bắc	240.477.000	240.477.000
Công ty TNHH Cơ Điện Tử IMI	506.646.708	506.646.708
Công ty CP Khoáng Sản Xây Dựng Habitat	2.649.800.000	2.649.800.000
Công ty TNHH Xây Dựng Hồng Lực	116.000.000	116.000.000
Công ty TNHH Xây Dựng Hòa Mỹ	-	1.900.000.000
NIMMENG	190.767.320	190.767.320
Công ty TNHH TM DV Nam Nguyên	376.500.000	376.500.000
Phân Viện Máy Và Dụng Cụ Công Nghiệp	767.955.371	767.955.371
Công ty TNHH Sản Xuất Và Kinh Doanh Phú Mỹ	1.747.260.000	1.887.260.000
Công ty Cp Sản Xuất - Thương Mại Sài Gòn	-	260.346.400
Công ty Soksocha	270.201.700	270.201.700
Công ty TNHH Tập Đoàn Sơn Hải	6.600.000	35.760.000
Tan Phat Trading Construction Mechanics Co.,Ltd	1.009.355.000	1.009.355.000
Công ty TNHH Đầu Tư Thạch Thảo	480.000.000	480.000.000
Công ty CP ĐT Phát triển Vidifi Sài Gòn Ninh Thuận	2.200.000.000	2.200.000.000
Công ty CP Tập Đoàn ĐT TM Công Nghiệp Việt Á.	442.260.000	442.260.000
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng DPD	90.000.000	90.000.000
Các khách hàng khác	1.089.942.691	925.275.840
Tổng cộng	14.182.216.540	15.561.147.807

Công ty Cổ phần Công nghệ cao

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 7,
phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Xây Dựng Dịch Vụ Giải Pháp	130.000.000	130.000.000
Công ty Luật TNHH Dương Nữ	200.000.000	200.000.000
Công ty TNHH TM XD Phú Thuận Thành	524.700.000	524.700.000
Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam	339.625.000	333.625.000
Công ty CP ĐT PT VIDIFI Sài Gòn Ninh Thuận	300.000.000	300.000.000
CN Tây Nguyên Tổng Công ty XD Thủy Lợi 4 - Ctcp	2.760.000.000	2.760.000.000
Các nhà cung cấp khác	118.935.709	308.101.022
Tổng cộng	4.373.260.709	4.556.426.022

4. Phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu khác ngắn hạn</i>		
Tạm ứng	2.813.056.147	1.035.951.214
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	76.745.000	76.745.000
Phải thu khác	87.090.949	81.390.949
Tổng cộng	2.976.892.096	1.194.087.163

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Giá gốc hàng tồn kho</i>		
Nguyên liệu, vật liệu	26.727.000	6.662.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.409.997.994	33.809.998.002
Thành phẩm	256.052.021	256.052.021
Tổng cộng	26.692.777.015	34.072.712.023

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	256.052.021	256.052.021
Tổng cộng	256.052.021	256.052.021

Giá trị thuần có thể thực hiện được

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	26.727.000	6.662.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.409.997.994	33.809.998.002
Thành phẩm	-	-
Tổng cộng	26.436.724.994	33.816.660.002

Công ty Cổ phần Công nghệ cao

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 7,
phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phụ tùng tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	3.942.569.913	7.565.941.894	2.087.972.706	13.596.484.513
Số cuối năm	<u>3.942.569.913</u>	<u>7.565.941.894</u>	<u>2.087.972.706</u>	<u>13.596.484.513</u>
KHẤU HAO LŨY KẾ				
Số đầu năm	3.476.488.086	2.214.201.126	1.289.962.272	6.980.651.484
Khấu hao trong năm	410.647.511	646.507.384	214.892.074	1.272.046.969
Số cuối năm	<u>3.887.135.596</u>	<u>2.860.708.510</u>	<u>1.504.854.346</u>	<u>8.252.698.452</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số đầu năm	466.081.827	5.351.740.768	798.010.434	6.615.833.029
Số cuối năm	<u>55.434.317</u>	<u>4.705.233.384</u>	<u>583.118.360</u>	<u>5.343.786.061</u>

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh Nghiệp Tư Nhân An Ánh Quang	3.199.728.836	7.470.590.836
Công ty TNHH Tôn Thép An Ánh Quang	2.410.319.574	2.410.319.574
Công ty CP Xây Dựng Và TB Công Nghiệp CIEI	408.167.320	408.167.320
Công ty TNHH Cơ Điện Tử IMI	825.369.799	825.369.799
Chi Nhánh Công ty TNHH MTV Hà Thành	100.000.000	100.000.000
Công ty CP Thương Mại Kim Hoa	60.000.000	60.000.000
Công ty CP Cơ Khí Phú Xuân	699.891.667	749.891.667
Công ty TNHH Sản Xuất Thiết Bị Cơ Điện Tử IMI	219.000.000	219.000.000
Công ty TNHH Điện Lạnh Thiên Phúc	2.331.849.908	2.331.849.908
Công ty TNHH Thép Việt Thành	409.798.466	2.402.671.081
Tổng Công ty CP Phát Triển Khu Công Nghiệp	137.459.984	280.579.063
Công ty TNHH NOVA	337.700.000	259.100.000
Công ty CP SICOMA VIỆT NAM	378.000.000	-
Nhà cung cấp khác	2.142.087.589	1.676.077.412
Tổng cộng	<u><u>13.659.373.143</u></u>	<u><u>19.193.616.660</u></u>

Công ty Cổ phần Công nghệ cao

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 7,
phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP XD Công Trình An Gia Phát-CN.TP HCM	4.064.597.500	4.064.597.500
Công ty CP Bê Tông Tấn Lực	-	3.372.000.000
Công ty CP Nội Thất Đồng Hưng	747.500.000	747.500.000
Công ty CP Quản Lý Và Sửa Chữa Đường Bộ Gia Lai	1.465.000.000	-
Công ty TNHH TM XD Hiệp Hòa Phát	800.000.000	800.000.000
Công ty TNHH Xây Dựng Cầu Đường Hoàng Nam	780.000.000	
Công ty Cổ Phần Xây Lắp Lạc Hồng	804.000.000	804.000.000
Lê Việt Tiến	-	2.429.435.529
Công Ty Cổ Phần Bê Tông Nhiệt Điện	1.920.000.000	3.070.000.000
Công ty TNHH Cơ Khí Và Thiết Bị Công Nghiệp Sài Gòn	1.616.750.000	1.616.750.000
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Số 1 Lâm Đồng	1.850.000.000	1.850.000.000
Công ty TNHH Tpk	12.650.000	449.900.000
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Trường Thịnh	720.000.000	-
Các khách hàng khác	1.780.836.890	1.261.886.890
Tổng cộng	16.561.334.390	20.466.069.919

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế giá trị gia tăng	292.822.945	866.992.933	(474.988.714)	684.827.164
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.942.364	-	-	5.942.364
Thuế khác	(1.500.000)	3.000.000	(3.000.000)	(1.500.000)
Tổng cộng	297.265.309	869.992.933	(477.988.714)	689.269.528

Trong đó:

	Số đầu năm	Số cuối năm
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	1.500.000	1.500.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	298.765.309	690.769.528

10. Phải trả khác ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	34.455.391	34.455.391
Bảo hiểm xã hội	16.313.146	84.273.086
Tổng cộng	50.768.537	118.728.477

Công ty Cổ phần Công nghệ cao

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 7,
phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Giá trị ghi sổ và có khả năng trả nợ	Phát sinh trong năm		Giá trị ghi sổ và có khả năng trả nợ
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>				
Vay cá nhân	400.000.000	2.640.000.000	1.170.000.000	1.870.000.000
Tổng cộng	400.000.000	2.640.000.000	1.170.000.000	1.870.000.000

	Giá trị ghi sổ và có khả năng trả nợ	Phát sinh trong năm		Giá trị ghi sổ và có khả năng trả nợ
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>				
Vay cá nhân	5.870.496.755	3.913.396.800	1.000.000.000	8.783.893.555
Tổng cộng	5.870.496.755	3.913.396.800	1.000.000.000	8.783.893.555

12. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2022	11.500.000.000	2.500.052.000	1.022.779.348	1.387.040.870	1.184.110.480	17.593.982.698
Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	(4.668.671.308)	(4.668.671.308)
Tại ngày 01/11/2023	11.500.000.000	2.500.052.000	1.022.779.348	1.387.040.870	(3.484.560.828)	12.925.311.390
Lỗi trong năm nay	-	-	-	-	(3.283.246.936)	(3.283.246.936)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(212.101.692)	(212.101.692)
Tại ngày 31/12/2023	11.500.000.000	2.500.052.000	1.022.779.348	1.387.040.870	(6.979.909.456)	9.429.962.762

b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.150.000	1.150.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.150.000	1.150.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.150.000</i>	<i>1.150.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.150.000	1.150.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.150.000</i>	<i>1.150.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng trên một cổ phiếu

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ	31.429.925.984	29.802.147.526
Tổng cộng	31.429.925.984	29.802.147.526

Công ty Cổ phần Công nghệ cao

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 7,
phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm và dịch vụ	30.090.253.665	19.842.583.233
Tổng cộng	30.090.253.665	19.842.583.233

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.675.100	2.021.347
Tổng cộng	1.675.100	2.021.347

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	2.170.683.741	1.218.477.248
Tổng cộng	2.170.683.741	1.218.477.248

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	660.062.763	699.529.556
Tổng cộng	660.062.763	699.529.556

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.128.467.600	1.048.076.301
Chi phí vật liệu quản lý	18.340.000	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	132.596.688	132.596.688
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	285.271.423	370.681.203
Chi phí bằng tiền khác	191.619.871	311.091.938
Tổng cộng	1.759.295.582	1.865.446.130

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý trạm trộn bê tông	-	8.518.518.517
Thu nhập khác	1.619.200	478.500
Tổng cộng	1.619.200	8.518.997.017

Công ty Cổ phần Công nghệ cao

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 7,
phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	-	19.350.721.118
Phí chậm nộp bảo hiểm và thuế	36.171.469	15.079.913
Tổng cộng	36.171.469	19.365.801.031

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận/(Lỗ) thuần trước thuế	(3.283.246.936)	(4.668.671.308)
Điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán:	49.290.774	185.633.532
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>49.290.774</i>	<i>185.633.532</i>
Thu nhập chịu thuế	(3.233.956.162)	(4.483.037.776)
Thu nhập tính thuế	(3.233.956.162)	(4.483.037.776)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

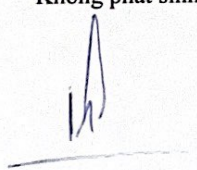
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được tính trên thu nhập tính thuế ước tính. Do cơ sở tính thuế có sự khác biệt so với cơ sở kế toán nên chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp có thể thay đổi tùy theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

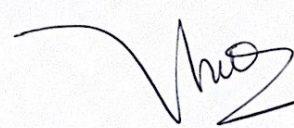
VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Không phát sinh các giao dịch với bên liên quan.


Nguyễn Thị Hồng Nhung
Người lập biểu


Huỳnh Thị Xinh
Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2024